

II/ Chứng chỉ Tiếng Anh và lợi thế Xét Tuyển vào Đại Học:

Hiện nay, nhiều trường đại học top đầu ở Việt Nam đã áp dụng chứng chỉ ngoại ngữ IELTS và TOEFL iBT như một điều kiện ưu tiên xét tuyển. Vì thế, chứng chỉ ngoại ngữ là một điểm cộng rất lớn trong hồ sơ xét tuyển đại học.

Mùa tuyển sinh từ năm 2022, và sẽ tiếp tục trong năm 2023, nhiều trường đại học ưu tiên xét tuyển, tuyển thẳng thí sinh **có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế như TOEFL iBT, IELTS.**

Theo dự kiến phương án tuyển sinh đại học chính quy năm 2023 của **Đại học Kinh tế Quốc dân**, thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế có thể đăng ký xét tuyển kết hợp theo đề án riêng của trường. Cụ thể, trường dành **15-20% để xét tuyển kết hợp chứng chỉ này với điểm 2 môn thi tốt nghiệp THPT.**

Thí sinh cần có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn 2 năm tính đến ngày 1/6/2021, đạt IELTS 5.5, TOEFL ITP 500, **TOEFL iBT 46** hoặc TOEIC (4 kỹ năng L&R 785, S 160 & W 150) trở lên.

ĐH Kinh tế Quốc dân quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo mức tương ứng từ 10 đến 15 điểm. Bảng quy đổi như sau:

IELTS	TOEFL ITP	TOEFL iBT	TOEIC (L&R/S/W)	Điểm tương đương	Hệ số quy đổi	Điểm quy đổi
				(1)	(2)	(3) = (1)x(2)
8.0 -9.0	650-657	110-114	985/200/200	10	1.5	15
7.5	627-649	102-109	965/190/190	10	1.4	14
7.0	590-626	94-101	945/180/180	10	1.3	13
6.5	561-589	79-93	890/170/170	10	1.2	12
6.0	543-560	60-78	840/160/160	10	1.1	11
5.5	500-542	46-59	785/160/150	10	1.0	10

(Chi tiết xem tại **QĐ số 545/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 2/4/2022** của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế Quốc dân)

Danh sách các trường đại học xét chứng chỉ, quy đổi TOEFL iBT và IELTS
– cập nhật 1/2023:

Khu vực	Tên trường	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm quy đổi	Tiêu chí khác
Miền Bắc	ĐH Bách khoa Hà Nội	5.0	40-45	8.5	Không
		5.5	46-59	9	
		6.0	60-78	9.5	
		6.5 - 9.0	Trên 79 hoặc hơn	10	
	ĐH Ngoại thương	6.5	79-93	8.5	- Đối với học sinh học THPT chuyên: Điểm trung bình 3 năm THPT 8.0 trở lên. - Đối với học sinh học THPT không chuyên: Kết quả thi tốt nghiệp 2 môn còn lại đạt từ điểm sàn theo thông báo của nhà trường.
		7.0	94-101	9	
		7.5	102-109	9.5	
		8.0 - 9.0	110-114	10	
	ĐH Quốc gia Hà Nội	5.5	46-59	8.5	Tổng điểm 2 môn thi còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 12 điểm
		6.0	60-78	9	

Khu vực	Tên trường	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm quy đổi	Tiêu chí khác
		6.5	79-93	9.25	(trong đó bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn).
		7.0	94-101	9.5	
		7.5	102-109	9.75	
		8.0 - 9.0	110-114	10	
	ĐH Kinh tế Quốc dân	5.5	46-92	10	Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 của tổ hợp môn bất kỳ trong các tổ hợp xét tuyển của trường đạt điểm đầu vào trở lên.
		6.0	60-78	11	
		6.5	79-93	12	
		7.0	94-101	13	
		7.5	102-109	14	
		8.0 - 9.0	110-114	15	
	ĐH Công nghiệp Hà Nội	5.5	46-92	8	Điểm trung bình các môn của từng học kỳ lớp 10, 11, 12 đạt từ 7 điểm trở lên.
		6.0	60-78	9	

Khu vực	Tên trường	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm quy đổi	Tiêu chí khác
		6.5 - 9.0	Trên 79 hoặc hơn	10	
	ĐH Luật Hà Nội	6.0	60-78	9	Không
		6.5	79-93	9.5	
		7.0 - 9.0	94 hoặc hơn	10	
	Học viện Tài chính	5.5	46-59	9.5	Không
		6.0 - 9.0	60 hoặc hơn	10	
	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	5.0	40-45	7	Không
		5.5	46-59	8	
		6.0	60-78	9	
		6.5 - 9.0	79 hoặc hơn	10	
	ĐH Dược Hà Nội	5.5	46-59	+ 0.25	Không
		6.0	60-78	+ 0.5	

Khu vực	Tên trường	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm quy đổi	Tiêu chí khác
		6.5	79-93	+ 0.75	
		7.0	94-101	+ 1	
		7.5	102-109	+ 1.25	
		8.0	110-114	+ 1.5	
		8.5	115-119	+ 1.75	
		9.0	120	+ 2	
	ĐH Y Hà Nội	6.5 - 9.0	79 hoặc hơn	8.5 hoặc hơn	Thí sinh đăng ký ngành Y khoa được áp dụng điểm trúng tuyển thấp hơn 3 điểm so với bình thường.
	ĐH Văn hóa Hà Nội	5.0 - 9.0	40 hoặc hơn	7.5 hoặc hơn	Ưu tiên quy đổi điểm tiếng Anh cho các thí sinh.
	Học viện Ngoại giao Việt Nam	6.0 - 9.0	60 hoặc hơn	9 hoặc hơn	Điểm trung bình cộng kết quả học tập của 3/5 kỳ học lớp 10, 11 và HKI

Khu vực	Tên trường	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm quy đổi	Tiêu chí khác
					lớp 12 đạt từ 8.0 trở lên.
	Hoc vien Chinh sach va Phat trien	4.5 - 9.0	40 hoặc hơn	7.5 hoặc hơn	Điểm trung bình học tập lớp 12 đạt từ 7.0 trở lên
	Hoc vien Phu nu Viet Nam	5.5 - 9.0	46 hoặc hơn	8 hoặc hơn	Không
	DH Phenikaa	5.5 - 9.0	46 hoặc hơn	8 hoặc hơn	Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và HKI lớp 12 của tổ hợp môn xét tuyển đạt từ 22.5 điểm trở lên.
	DH Giao thông Vận tải	5.0 - 9.0	40 hoặc hơn	7.5 hoặc hơn	Tổng điểm 2 môn thi còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 12 điểm (trong đó bắt buộc phải có môn Toán).
	DH FPT	6.0 - 9.0	60 hoặc hơn	9.5 hoặc hơn	Áp dụng đối với ngành Ngôn Ngữ Anh.

Khu vực	Tên trường	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm quy đổi	Tiêu chí khác
	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	4.0 - 9.0	35 hoặc hơn	7 hoặc hơn	Thí sinh có học lực đạt loại Khá ít nhất 1 năm tại trường THPT.
	ĐH Mỏ - Địa chất	4.5 - 9.0	40 hoặc hơn	7.5 hoặc hơn	Tổng điểm 2 môn thi còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt 10 điểm trở lên.
Miền Nam	ĐH Bách khoa TP.HCM	5.0	40-45	8	Không
		5.5	46-59	9	
		6.0 - 9.0	60-78	10 hoặc hơn	
	ĐH Luật TP.HCM	6.0	60-78	9	Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và HKI lớp 12 của tổ hợp môn xét tuyển đạt từ 21 điểm trở lên.
		6.5	79-93	9.5	
		7.0 - 9.0	94 hoặc hơn	10 hoặc hơn	
	ĐH Kiến trúc TP.HCM	6.0 - 9.0	60-78	10 hoặc hơn	Không

Khu vực	Tên trường	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm quy đổi	Tiêu chí khác
	ĐH Mở TP.HCM	5.5 - 9.0	50-78	10 hoặc hơn	Đối với ngành Ngôn ngữ
		6.0 - 9.0	60-78	10 hoặc hơn	Đối với những ngành còn lại
	ĐH Y Dược TP.HCM	6.0 - 9.0	60-78	9 hoặc hơn	- Tổng điểm thi của 3 môn khối B hoặc khối A và các điểm ưu tiên khác (nếu có) bằng hoặc trên mức điểm sàn do Bộ Giáo Dục xác định. - Điểm xét trúng tuyển thực hiện theo Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược TP.HCM.
	ĐH Kinh tế TP.HCM	6.0 - 9.0	60-78	9 hoặc hơn	- Điểm trung bình năm lớp 10, 11 và HKI lớp 12. - Đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh trở lên các môn: Toán, Vật lý, Hóa học,

Khu vực	Tên trường	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm quy đổi	Tiêu chí khác
					Tiếng Anh, Ngữ văn và Tin học. - Học tập tại các trường THPT chuyên hoặc Năng khiếu.
Miền Trung	ĐH Bách Khoa Đà Nẵng	5.5	46-59	8 điểm hoặc hơn	Điểm trung bình chung môn Toán (lớp 10, 11 và HK1 lớp 12) đạt từ 7,0 trở lên.
	ĐH Kinh Tế Đà Nẵng	5.5	46-59	8 điểm hoặc hơn	Tổng điểm xét tuyển đạt từ 12 điểm trở lên với tổng điểm xét tuyển là tổng điểm môn Toán và một môn khác trong các môn Vật lý, Hóa học, Ngữ văn.
	ĐH FPT Đà Nẵng	6.0	60-78	10 điểm hoặc hơn	Không
	Đại học Luật Huế	5.0		7.5 điểm hoặc hơn	Điểm trung bình từng môn 5 học kỳ (HK1 và 2 của lớp 10, HK1 và 2 của

Khu vực	Tên trường	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm quy đổi	Tiêu chí khác
			40 -45		lớp 11 và HK1 lớp 12) theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển từ 7,0 trở lên.
	Đại học Khoa học Huế	5.0	40 -45	7.5 điểm hoặc hơn	- Đối với những ngành mà tổ hợp môn xét tuyển có môn Tiếng Anh. - Khoa Quốc tế Huế: học lực xếp loại khá trở lên trong cả 3 năm học THPT.
	Đại học Ngoại ngữ Huế	6.0	60-78	10 điểm hoặc hơn	Đối với ngành Sư phạm Tiếng Anh và ngành Ngôn ngữ Anh
		5.5	46-59	9 điểm hoặc hơn	Đối với các ngành còn lại trong tổ hợp xét tuyển có môn Tiếng Anh